

Trường THCS Đô Thị Việt Hưng
Học kỳ 1
Năm học 2024-2025



Thời khóa biểu lớp

Buổi sáng
Áp dụng từ ngày 23/09/2024

Ngày	Tiết	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	7A1	7A2	7A3	7A4	7A5	7A6	7A7	8A1	8A2	8A3	8A4	8A5	8A6	9A1	9A2	9A3	9A4	9A5
Thứ 2	1	HĐTN_CC (Khanh)	HĐTN_CC (Trình)	HĐTN_CC (Kim Yến)	HĐTN_CC (Thu Hương)	HĐTN_CC (Thanh Nga)	HĐTN_CC (Thảo Hiền)	HĐTN_CC (Dung)	HĐTN_CC (Hằng)	HĐTN_CC (Huế)	HĐTN_CC (Lê Lan)	HĐTN_CC (Kim Nhung)	HĐTN_CC (Liễu)	HĐTN_CC (Hậu)	HĐTN_CC (Điệp)	HĐTN_CC (Duyên)	HĐTN_CC (Hà Thúy)	HĐTN_CC (Thanh Tú)	HĐTN_CC (Vũ Thảo)	HĐTN_CC (Thu Phương)	HĐTN_CC (Tươi)	HĐTN_CC (Đinh Phương)	HĐTN_CC (Chu Nhung)	HĐTN_CC (Hoàng Hương)
	2	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Toán (Kim Nhung)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Toán (Mai Nga)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Lịch sử và Địa lí 2 (Dung)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Giáo dục địa phương (Cần)	Hoạt động trải nghiệm (Điệp)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Hoạt động trải nghiệm (Thanh Tú)	Toán (Huế)	Tin học (Thu Phương)	Giáo dục công dân (Tươi)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Hoạt động trải nghiệm (Chu Nhung)	Khoa học tự nhiên (Biên)
	3	Giáo dục thể chất (Đạt)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Toán (Thu Phương)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Công nghệ (Trình)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Toán (Cần)	Toán (Mai Nga)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Toán (Lê Lan)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Toán (Liễu)	Toán (Hậu)	Ngữ văn (Điệp)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Toán (Huế)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Toán (Kim Nhung)	Công nghệ (Tuấn)	Toán (Chu Nhung)	Khoa học tự nhiên (Biên)
	4	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Toán (Cần)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Toán (Huế)	Toán (Lê Lan)	Công nghệ (Tuấn)	Toán (Liễu)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Ngữ văn (Điệp)	Toán (Mai Nga)	Giáo dục địa phương (Dung)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Ngữ văn (Thu Hương)	Toán (Thu Phương)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Toán (Chu Nhung)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)
	5	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Giáo dục công dân (Loan)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Ngữ văn (Thu Hương)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Công nghệ (Trình)	Ngữ văn (Dung)	Tin học (Mai Nga)	Toán (Huế)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Toán (Kim Nhung)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Toán (Lê Lan)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Toán (Thu Phương)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Giáo dục công dân (Thanh Tú)	Khoa học tự nhiên (Đắc Tú)	Giáo dục địa phương (Duyên)
Thứ 3	1	Ngữ văn (Khanh)	Khoa học tự nhiên (Hải Yến)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Công nghệ (Trình)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Ngữ văn (Kim Yến)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Toán (Mai Nga)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Giáo dục địa phương (Cần)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Tươi)	Công nghệ (Tuấn)	Ngữ văn (Thu Hương)	Hoạt động trải nghiệm (Thu Phương)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Toán (Hậu)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Giáo dục công dân (Thanh Tú)
	2	Ngữ văn (Khanh)	Toán (Trình)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Ngữ văn (Kim Yến)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Công nghệ (Tuấn)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Tin học (Mai Nga)	Toán (Thu Phương)	Hoạt động trải nghiệm (Tươi)	Toán (Hậu)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)
	3	Toán (Chu Nhung)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Toán (Thu Phương)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Dung)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Tin học (Mai Nga)	Ngữ văn (Kim Yến)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Giáo dục công dân (Loan)	Hoạt động trải nghiệm (Hà Thúy)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Giáo dục địa phương (Thu Hương)	Giáo dục công dân (Thanh Tú)	Ngữ văn (Tươi)	Ngữ văn (Khanh)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Ngữ văn (Thanh Nga)
	4	Toán (Chu Nhung)	Công nghệ (Trình)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Ngữ văn (Thu Hương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Lịch sử và Địa lí 2 (Dung)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Tin học (Mai Nga)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Giáo dục địa phương (Cần)	Khoa học tự nhiên (Thảo)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Công nghệ (Tuấn)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Ngữ văn (Tươi)	Ngữ văn (Khanh)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Thanh Nga)
	5	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Tươi)	Ngữ văn (Kim Yến)	Giáo dục công dân (Loan)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Toán (Hậu)	Công nghệ (Trình)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Tin học (Mai Nga)	Khoa học tự nhiên (Thảo)	Công nghệ (Tuấn)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Toán (Chu Nhung)	Toán (Lê Lan)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Giáo dục địa phương (Dung)	Khoa học tự nhiên (Đắc Tú)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)
Thứ 4	1	Công nghệ (Trình)	Khoa học tự nhiên (Hải Yến)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Ngữ văn (Khanh)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Toán (Hậu)	Ngữ văn (Điệp)	Ngữ văn (Duyên)	Toán (Chu Nhung)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Công nghệ (Tuấn)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Ngữ văn (Tươi)	Tin học (Thu Phương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Nghệ thuật 2 (Lương)
	2	Ngữ văn (Khanh)	Ngữ văn (Tươi)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Duyên)	Công nghệ (Trình)	Toán (Kim Nhung)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Toán (Hậu)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Toán (Lê Lan)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Công nghệ (Tuấn)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Toán (Liễu)
	3	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Giáo dục công dân (Loan)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Toán (Hậu)	Tin học (Chu Nhung)	Công nghệ (Trình)	Ngữ văn (Duyên)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Toán (Kim Nhung)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Toán (Mai Nga)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Toán (Lê Lan)	Toán (Huế)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Ngữ văn (Tươi)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Công nghệ (Tuấn)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)
	4	Toán (Chu Nhung)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Toán (Liễu)	Toán (Kim Nhung)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Toán (Cần)	Giáo dục địa phương (Dung)	Toán (Huế)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Ngữ văn (Điệp)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Toán (Mai Nga)	Khoa học tự nhiên (Thảo)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Ngữ văn (Duyên)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Giáo dục thể chất (Ngô Hương)	Ngữ văn (Thanh Nga)
	5	Toán (Chu Nhung)	Toán (Trình)	Tiếng Anh (Quỳnh)	Toán (Liễu)	Toán (Kim Nhung)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Giáo dục địa phương (Dung)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Toán (Huế)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Tiếng Anh (Hà Thúy)	Ngữ văn (Điệp)	Khoa học tự nhiên (Thảo)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Công nghệ (Tuấn)	Tin học (Mai Nga)	Khoa học tự nhiên (Âu Hương)	Giáo dục công dân (Loan)	Ngữ văn (Duyên)	Giáo dục địa phương (Tươi)	Toán (Hậu)	Khoa học tự nhiên (Đắc Tú)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)



Ngày	Tiết	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	7A1	7A2	7A3	7A4	7A5	7A6	7A7	8A1	8A2	8A3	8A4	8A5	8A6	9A1	9A2	9A3	9A4	9A5
Thứ 5	1	Ngữ văn (Khanh)	Toán (Trình)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Toán (Cần)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Duyên)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Ngữ văn (Điệp)	Giáo dục công dân (Loan)	Giáo dục địa phương (Thu Hiền)	Toán (Mai Nga)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Công nghệ (Tuấn)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Ngữ văn (Thu Hương)	Toán (Liễu)
	2	Giáo dục công dân (Loan)	Toán (Trình)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Ngữ văn (Thu Hương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Ngữ văn (Kim Yến)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Giáo dục địa phương (Cần)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Điệp)	Tin học (Mai Nga)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Giáo dục địa phương (Thanh Tú)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Công nghệ (Tuấn)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Ngữ văn (Thanh Nga)
	3	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Công nghệ (Trình)	Ngữ văn (Thu Hương)	Khoa học tự nhiên (Ấu Hương)	Toán (Hậu)	Lịch sử và Địa lí 2 (Dung)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Tin học (Mai Nga)	Ngữ văn (Khanh)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Giáo dục địa phương (Nguyễn Thảo)	Công nghệ (Tuấn)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Tin học (Cần)	Khoa học tự nhiên (Biên)
	4	Khoa học tự nhiên (Ấu Hương)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Ngữ văn (Kim Yến)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Toán (Hậu)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Giáo dục địa phương (Cần)	Toán (Lê Lan)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Tin học (Mai Nga)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Hoạt động trải nghiệm (Duyên)	Giáo dục công dân (Loan)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Toán (Thu Phương)	Toán (Kim Nhung)	Ngữ văn (Khanh)	Giáo dục công dân (Thanh Tú)	Công nghệ (Tuấn)
	5	Khoa học tự nhiên (Ấu Hương)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	HĐTN_SH (Kim Yến)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Giáo dục công dân (Loan)	HĐTN_SH (Thảo Hiền)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Toán (Lê Lan)	Toán (Kim Nhung)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Hoạt động trải nghiệm (Khánh An)	Tin học (Mai Nga)	Ngữ văn (Duyên)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Toán (Huế)	HĐTN_SH (Thu Phương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Công nghệ (Tuấn)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)
Thứ 6	1	Khoa học tự nhiên (Ấu Hương)	Tiếng Anh (Hà Thủy)	Toán (Thu Phương)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Toán (Kim Nhung)	Giáo dục địa phương (Loan)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Toán (Mai Nga)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Toán (Liễu)	Ngữ văn (Kim Yến)	Toán (Huế)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Ngữ văn (Thu Hương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)
	2	Giáo dục thể chất (Đạt)	Tiếng Anh (Hà Thủy)	Toán (Thu Phương)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Tin học (Chu Nhung)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Ngữ văn (Duyên)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	Lịch sử và Địa lí 2 (Dung)	Toán (Liễu)	Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Toán (Huế)	Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)	Ngữ văn (Tươi)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Toán (Kim Nhung)	Ngữ văn (Khanh)	Công nghệ (Tuấn)	Khoa học tự nhiên (Biên)
	3	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Ngữ văn (Tươi)	Ngữ văn (Kim Yến)	Toán (Liễu)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Ngữ văn (Dung)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Ngữ văn (Khanh)	Ngữ văn (Điệp)	Toán (Hậu)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Toán (Chu Nhung)	Giáo dục công dân (Loan)	Ngữ văn (Thu Hương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Toán (Kim Nhung)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Giáo dục địa phương (Nguyễn Thảo)	Công nghệ (Tuấn)
	4	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Ngữ văn (Tươi)	Ngữ văn (Kim Yến)	Toán (Liễu)	Tiếng Anh (Đinh Phương)	Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)	Ngữ văn (Dung)	Ngữ văn (Thanh Nga)	Khoa học tự nhiên (Phạm Thảo)	Ngữ văn (Thanh Tú)	Ngữ văn (Khanh)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Giáo dục thể chất (Đạt)	Giáo dục công dân (Loan)	Tiếng Anh (Hà Thủy)	Toán (Chu Nhung)	Tin học (Mai Nga)	Ngữ văn (Thu Hương)	Ngữ văn (Duyên)	Tin học (Thu Phương)	Toán (Hậu)	Khoa học tự nhiên (Đắc Tú)	Tin học (Cần)
Thứ 7	5	HĐTN_SH (Khanh)	HĐTN_SH (Trình)	Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)	HĐTN_SH (Thu Hương)	HĐTN_SH (Thanh Nga)	Ngữ văn (Kim Yến)	HĐTN_SH (Dung)	HĐTN_SH (Hằng)	HĐTN_SH (Huế)	HĐTN_SH (Lê Lan)	HĐTN_SH (Kim Nhung)	HĐTN_SH (Liễu)	HĐTN_SH (Hậu)	HĐTN_SH (Điệp)	HĐTN_SH (Duyên)	HĐTN_SH (Hà Thủy)	HĐTN_SH (Thanh Tú)	HĐTN_SH (Vũ Thảo)	Khoa học tự nhiên (Biên)	HĐTN_SH (Tươi)	HĐTN_SH (Đinh Phương)	HĐTN_SH (Chu Nhung)	HĐTN_SH (Hoàng Hương)
	1													Ngữ văn (Kim Yến)	Toán (Huế)	Ngữ văn (Duyên)	Ngữ văn (Tươi)	Khoa học tự nhiên (Ấu Hương)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Ngữ văn (Thu Hương)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)
	2													Ngữ văn (Kim Yến)	Toán (Huế)	Ngữ văn (Duyên)	Ngữ văn (Tươi)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Hoạt động trải nghiệm (Vũ Thảo)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Ngữ văn (Thu Hương)	Hoạt động trải nghiệm (Hoàng Hương)
	3													Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Tiếng Anh (Hoàng Hương)	Ngữ văn (Duyên)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Hoạt động trải nghiệm (Đinh Phương)	Toán (Chu Nhung)	Toán (Liễu)
	4													Khoa học tự nhiên (Thỏa)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)	Giáo dục địa phương (Duyên)	Tiếng Anh (Hà Thủy)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)	Khoa học tự nhiên (Biên)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Khoa học tự nhiên (Khánh An)	Toán (Chu Nhung)	Toán (Liễu)
	5																			Khoa học tự nhiên (Biên)	Tiếng Anh (Thảo Hiền)	Tiếng Anh (Phương)	Tiếng Anh (Hà Thủy)	Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương)

Môn chuyên đề:



Trường THCS Đa Thị Việt Hưng
Học kỳ 1
Năm học 2024-2025



Thời khóa biểu lớp

Buổi chiều
Áp dụng từ ngày 23/09/2024

Ngày	Tiết	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	7A1	7A2	7A3	7A4	7A5	7A6	7A7	8A1	8A2	8A3	8A4	8A5	8A6	9A1	9A2	9A3	9A4	9A5
Thứ 2	1	- Tuần lễ học STEM - Tuần chuẩn học Tiếng Anh* (Hoàng Hương)	- Tuần chuẩn học STEM - Tuần lễ học Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Toán* (Thu Phương)	Toán* (Liễu)	KHXXH_Thê m (Thanh Hương)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	KHTN_Thêm (Phạm Thảo)	Ngữ văn* (Thanh Nga)	Giáo dục công dân (Loan)	Hoạt động trải nghiệm (Cần)	Ngữ văn* (Khanh)	Hoạt động trải nghiệm (Thỏa)	Toán* (Hậu)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	KHTN_Thêm (Vũ Thảo)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Toán* (Lê Lan)	Ngữ văn* (Thu Hương)	KHTN_Thêm (Biên)	KHTN_Thêm (Khánh An)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Toán* (Chu Nhung)	KHXXH_Thê m (Thanh Tú)
	2			Kỹ năng sống (Kim Yến)	KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Ngữ văn* (Dung)	Ngữ văn* (Thanh Nga)	Ngữ văn* (Duyên)	Giáo dục công dân (Loan)	Ngữ văn* (Khanh)	ISMART (Gv_Ismart)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Toán* (Huế)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	KHTN_Thêm (Thỏa)	Toán* (Lê Lan)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Toán* (Thu Phương)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	KHXXH_Thê m (Thanh Tú)	Kỹ năng sống (Chu Nhung)	Toán* (Liễu)
	3	Ngữ văn* (Khanh)	KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)	- Tuần lễ học STEM (Gv_Stem)	- Tuần chuẩn học STEM - Tuần lễ học Tiếng Anh* (Hoàng Hương)	ISMART (Gv_Ismart)	Toán* (Hậu)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Giáo dục công dân (Loan)		Toán* (Lê Lan)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Toán* (Liễu)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	BD_Toán (Chu Nhung)	KHTN_Thêm (Âu Hương)	Toán* (Huế)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	Ngữ văn* (Tươi)	BD_Anh (Đình Phương)	KHXXH_Thê m (Thanh Tú)	Ngữ văn* (Thanh Nga)
	4		Tiếng Anh BM (Gv_BM)											BD_Văn (Kim Yến)					BD_Toán (Huế)	BD_Anh (Thảo Hiền)	BD_Văn (Tươi)		BD_Anh (Hà Thúy)	
	5																							
Thứ 3	1	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Nghệ thuật 2 (Lương)	KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)	KHXXH_Thê m (Thanh Hương)	Ngữ văn* (Thanh Nga)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	ISMART (Gv_Ismart)	Tiếng Anh* (Quỳnh)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Hoạt động trải nghiệm (Kim Nhung)	Ngữ văn* (Điệp)	Ngữ văn* (Kim Yến)	KHTN_Thêm (Vũ Thảo)	Toán* (Mai Nga)	Toán* (Chu Nhung)	Ngữ văn* (Thanh Tú)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Ngữ văn* (Duyên)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	KHTN_Thêm (Khánh An)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Toán* (Liễu)
	2	Toán* (Chu Nhung)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Tiếng Anh* (Quỳnh)	Hoạt động trải nghiệm (Thu Hương)	Ngữ văn* (Thanh Nga)	ISMART (Gv_Ismart)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	KHXXH_Thê m (Thu Hiền)	KHTN_Thêm (Phạm Thảo)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Ngữ văn* (Điệp)	KHXXH_Thê m (Loan)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	Kỹ năng sống (Duyên)	Ngữ văn* (Tươi)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Toán* (Huế)	KHXXH_Thê m (Thanh Tú)	Toán* (Kim Nhung)	Toán* (Hậu)	KHTN_Thêm (Đắc Tú)	Toán* (Liễu)
	3	Nghệ thuật 2 (Lương)	KHXXH_Thê m (Thanh Hương)		Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Hoạt động trải nghiệm (Thảo Hiền)	Tiếng Anh* (Quỳnh)		KHXXH_Thê m (Thu Hiền)	Toán* (Lê Lan)	ISMART (Gv_Ismart)	Toán* (Liễu)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)		BD_Anh (Hà Thúy)	Ngữ văn* (Tươi)	BD_Văn (Thanh Tú)	Toán* (Huế)	BD_Văn (Duyên)	Toán* (Kim Nhung)	Toán* (Hậu)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Ngữ văn* (Thanh Nga)
	4																				BD_Anh (Thảo Hiền)			
	5																							
Thứ 4	1	KHXXH_Thê m (Thanh Hương)	Toán* (Trình)	Hoạt động trải nghiệm (Kim Yến)	Tin học (Cần)	KHTN_Thêm (Âu Hương)	KHXXH_Thê m (Thu Hiền)	Ngữ văn* (Dung)	Hoạt động trải nghiệm (Hằng)	Hoạt động trải nghiệm (Huế)	Ngữ văn* (Thanh Tú)	Giáo dục công dân (Loan)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Kỹ năng sống (Hậu)	Ngữ văn* (Điệp)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Ngữ văn* (Tươi)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Tiếng Anh* (Hoàng Hương)	Ngữ văn* (Duyên)	Toán* (Kim Nhung)	Ngữ văn* (Khanh)	Toán* (Chu Nhung)	Ngữ văn* (Thanh Nga)
	2	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Toán* (Trình)	Giáo dục địa phương (Kim Yến)	Giáo dục địa phương (Thu Hương)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Giáo dục công dân (Loan)	Hoạt động trải nghiệm (Dung)	- Tuần lễ học STEM - Tuần chuẩn học STEM	- Tuần lễ học STEM - Tuần lễ học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Kỹ năng sống (Lê Lan)	Toán* (Kim Nhung)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Tiếng Anh* (Đình Phương)	Toán* (Huế)	Ngữ văn* (Duyên)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Kỹ năng sống (Thanh Tú)	Tiếng Anh* (Hoàng Hương)	Toán* (Thu Phương)	Ngữ văn* (Tươi)	Ngữ văn* (Khanh)	Toán* (Chu Nhung)	Ngữ văn* (Thanh Nga)
	3	Hoạt động trải nghiệm (Thanh Nga)	Hoạt động trải nghiệm (Trình)	KHXXH_Thê m (Thanh Hương)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Toán* (Kim Nhung)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Giáo dục công dân (Loan)				Giáo dục thể chất (Hồng)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	BD_Anh (Đình Phương)	BD_Toán (Huế)	BD_Văn (Duyên)	BD_Văn (Tươi)	BD_Toán (Lê Lan)	BD_Anh (Hoàng Hương)	Toán* (Thu Phương)		Toán* (Hậu)	Ngữ văn* (Thu Hương)	KHTN_Thêm (Biên)
	4																					BD_Toán (Hậu)	BD_Văn (Thu Hương)	BD_Văn (Thanh Nga)
	5																							



Ngày	Tiết	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	7A1	7A2	7A3	7A4	7A5	7A6	7A7	8A1	8A2	8A3	8A4	8A5	8A6	9A1	9A2	9A3	9A4	9A5
Thứ 5	1	Tin học (Huế)	ISMART (Gv_Ismart)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Toán* (Kim Nhung)	- Tuần lễ học STEM - Tuần chuẩn học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	- Tuần chuẩn học STEM - Tuần lễ học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Giáo dục thể chất (Hồng)	Ngữ văn* (Duyên)	KHXXH_Thế m (Thu Hiền)	KHTN_Thêm (Biên)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Toán* (Hậu)	Kỹ năng sống (Điệp)	Toán* (Mai Nga)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	KHXXH_Thế m (Loan)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	Kỹ năng sống (Tươi)	Kỹ năng sống (Đinh Phương)	Toán* (Chu Nhung)	Kỹ năng sống (Hoàng Hương)
	2	ISMART (Gv_Ismart)	Giáo dục địa phương (Trình)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Tin học (Kim Nhung)			Toán* (Mai Nga)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Giáo dục công dân (Loan)	Toán* (Hậu)	Toán* (Huế)	Ngữ văn* (Duyên)	Toán* (Chu Nhung)	Toán* (Lê Lan)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Kỹ năng sống (Thu Phương)	KHXXH_Thế m (Tươi)	Tiếng Anh* (Đinh Phương)	Tiếng Anh* (Hà Thúy)	Tiếng Anh* (Hoàng Hương)
	3	Toán* (Chu Nhung)	Ngữ văn* (Tươi)	Tin học (Kim Nhung)	ISMART (Gv_Ismart)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Tiếng Anh* (Thảo Hiền)	KHXXH_Thế m (Thu Hiền)	Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	Kỹ năng sống (Huế)		Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Tiếng Anh* (Hoàng Hương)	BD_Toán (Hậu)	KHXXH_Thế m (Loan)	Ngữ văn* (Duyên)	BD_Anh (Hà Thúy)	BD_Anh (Đinh Phương)	BD_Văn (Thu Hương)	BD_Toán (Thu Phương)		BD_Văn (Khanh)		BD_Toán (Liễu)
	4					Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)								BD_Anh (Thảo Hiền)									
	5																							
Thứ 6	1	KHTN_Thêm (Ấu Hương)	Ngữ văn* (Tươi)	Nghệ thuật 2 (Lương)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	- Tuần chuẩn học STEM - Tuần lễ học Giáo dục địa phương (Thanh Nga)	KHTN_Thêm (Phạm Thảo)	Toán* (Cần)	Toán* (Mai Nga)	Toán* (Huế)	- Tuần lễ học STEM - Tuần chuẩn học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	KHXXH_Thế m (Thu Hiền)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Ngữ văn* (Điệp)	KHXXH_Thế m (Loan)	Toán* (Chu Nhung)	Ngữ văn* (Thanh Tú)	KHTN_Thêm (Vũ Thảo)	Toán* (Thu Phương)	Toán* (Kim Nhung)	Ngữ văn* (Khanh)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Toán* (Liễu)
	2	Giáo dục địa phương (Kim Yến)	Tiếng Hàn (Gv_Hàn)	Toán* (Thu Phương)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)		Toán* (Hậu)	Toán* (Cần)	KHTN_Thêm (Phạm Thảo)	Toán* (Huế)		Toán* (Kim Nhung)	KHXXH_Thế m (Thu Hiền)	KHTN_Thêm (Thỏa)	Ngữ văn* (Điệp)	Toán* (Mai Nga)	KHXXH_Thế m (Loan)	Ngữ văn* (Thanh Tú)	Kỹ năng sống (Vũ Thảo)	Ngữ văn* (Duyên)	Ngữ văn* (Tươi)	Ngữ văn* (Khanh)	Ngữ văn* (Thu Hương)	Tiếng Anh* (Hoàng Hương)
	3	Ngữ văn* (Khanh)	Tin học (Huế)	Tiếng Anh BM (Gv_BM)	Toán* (Liễu)	Hoạt động trải nghiệm (Thanh Nga)	Ngữ văn* (Kim Yến)	Kỹ năng sống (Dung)			Ngữ văn* (Thanh Tú)	- Tuần chuẩn học STEM - Tuần lễ học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)	- Tuần lễ học STEM - Tuần chuẩn học KHTN_Thêm (Thỏa)		BD_Văn (Điệp)	BD_Toán (Mai Nga)	Kỹ năng sống (Hà Thúy)	KHXXH_Thế m (Loan)		Ngữ văn* (Duyên)	Ngữ văn* (Tươi)	Toán* (Hậu)	BD_Toán (Chu Nhung)	BD_Anh (Hoàng Hương)
	4	Tiếng Anh BM (Gv_BM)																			BD_Toán (Kim Nhung)			
	5																							
Thứ 7	1																							
	2																							
	3																							
	4																							
	5																							

Môn chuyên đề:

